

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê chuẩn dự toán ngân sách,
phân bổ nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính-ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2020 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết của HĐND tỉnh thuộc lĩnh vực ngân sách hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Công văn số 563/KV IX- KTNS1 ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Kiểm toán nhà nước khu vực IX;

Xét Tờ trình số 4688/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về dự toán ngân sách, phân bổ nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2021; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn dự toán ngân sách, phân bổ nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Trà Vinh năm 2021, cụ thể như sau:

I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (Kèm theo Biểu số 31, Biểu số 32):

* Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:	10.177.910 triệu đồng
1. Thu nội địa:	5.000.000 triệu đồng
- Thu từ doanh nghiệp nhà nước do TW quản lý:	1.245.000 triệu đồng
- Thu từ doanh nghiệp nhà nước do ĐP quản lý:	57.500 triệu đồng
- Thu từ doanh nghiệp có vốn ĐT nước ngoài:	550.000 triệu đồng
- Thu từ khu vực kinh tế ngoài Quốc doanh:	420.000 triệu đồng
- Thu lệ phí trước bạ:	134.000 triệu đồng
- Thuế bảo vệ môi trường:	340.000 triệu đồng
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:	5.000 triệu đồng
- Thuế thu nhập cá nhân:	400.000 triệu đồng
- Thu phí và lệ phí:	160.000 triệu đồng
- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước:	40.000 triệu đồng
- Thu tiền sử dụng khu vực biển:	4.000 triệu đồng
- Tiền thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước:	13.000 triệu đồng
- Thu khác ngân sách:	100.000 triệu đồng
- Thu tiền sử dụng đất:	200.000 triệu đồng
- Thu xổ số kiến thiết:	1.319.000 triệu đồng
- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản:	5.500 triệu đồng
- Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế:	7.000 triệu đồng
2. Thu bổ sung từ Ngân sách Trung ương:	4.865.311 triệu đồng
- Bổ sung cân đối:	3.831.602 triệu đồng
- Bổ sung mục tiêu:	1.033.709 triệu đồng
3. Thu bổ sung từ nguồn kết dư, CCTL NS tỉnh:	312.599 triệu đồng
- Từ nguồn kết dư NS tỉnh:	211.082 triệu đồng
- Từ nguồn CCTL NS tỉnh:	101.517 triệu đồng
* Tổng thu ngân sách địa phương được hưởng:	9.861.060 triệu đồng
- Thu nội địa ngân sách địa phương hưởng:	4.683.150 triệu đồng
- Thu bổ sung từ Ngân sách Trung ương:	4.865.311 triệu đồng
- Thu từ nguồn kết dư, CCTL ngân sách tỉnh:	312.599 triệu đồng
II. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG:	9.838.160 triệu đồng
<i>(Kèm theo Biểu số 30, biểu số 33, biểu số 34, biểu số 35, biểu số 36, biểu số 39, biểu số 41, biểu số 42, biểu số 46):</i>	
1. Chi cân đối ngân sách địa phương:	8.491.852 triệu đồng

Tăng 0,02%% so dự toán HĐND tỉnh giao năm 2020 bao gồm:

1.1. Chi đầu tư phát triển:	2.125.541 triệu đồng
- Chi đầu tư XDCB từ nguồn NSDP:	626.541 triệu đồng
- Chi đầu tư XDCB từ nguồn thu tiền sử dụng đất (90%):	180.000 triệu đồng
Trong đó:	
+ Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (60%):	120.000 triệu đồng
+ Trích lập quỹ phát triển đất (30%)	60.000 triệu đồng
- Chi đầu tư XDCB từ nguồn thu XSKT:	1.319.000 triệu đồng
1.2. Chi thường xuyên:	6.052.897 triệu đồng
a) Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề:	2.621.368 triệu đồng
- Sự nghiệp giáo dục:	2.289.296 triệu đồng
- Sự nghiệp đào tạo:	227.103 triệu đồng
- Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ, chế độ, chính sách đào tạo khác:	104.969 triệu đồng
b) Chi sự nghiệp khoa học công nghệ:	24.284 triệu đồng
c) Chi quốc phòng :	63.216 triệu đồng
d) Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội:	37.987 triệu đồng
e) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:	684.131 triệu đồng
g) Chi văn hóa thông tin:	47.841 triệu đồng
h) Chi thể dục thể thao:	23.376 triệu đồng
i) Chi phát thanh, truyền hình:	10.032 triệu đồng
k) Chi bảo vệ môi trường:	69.906 triệu đồng
l) Chi các hoạt động kinh tế:	634.939 triệu đồng
m) Chi bảo đảm xã hội:	210.921 triệu đồng
o) Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể:	1.377.970 triệu đồng
p) Chi thường xuyên khác:	59.362 triệu đồng
q) Tiết kiệm chi thường xuyên:	43.840 triệu đồng
m) Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách; nhiệm vụ khác:	143.724 triệu đồng
1.3. Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay:	600 triệu đồng
1.4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương:	1.000 triệu đồng
1.5. Dự phòng ngân sách:	170.984 triệu đồng